

DOI: 10.58490/ctump.2025i92.4237

## KHẢO SÁT TÌNH TRẠNG ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TẠI TRƯỜNG DƯỢC – ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Hà Thục Khánh Linh, Đào Nguyễn Bảo Trâm, Nguyễn Công Bảo Quỳnh,  
Lâm Bảo Hân, Du Trần Bảo Hân, Nguyễn Quốc Hòa\**

*Trường Dược - Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh*

*\*Email: nqhoa@ump.edu.vn*

*Ngày nhận bài: 14/9/2025*

*Ngày phản biện: 10/10/2025*

*Ngày duyệt đăng: 25/10/2025*

### TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Bên cạnh điểm học tập, các trường đại học sử dụng điểm rèn luyện (ĐRL) để đánh giá toàn diện sinh viên ở các khía cạnh khác nhau. Tuy nhiên, số lượng nghiên cứu về công tác đánh giá ĐRL còn hạn chế. **Mục tiêu nghiên cứu:** Khảo sát các đặc điểm liên quan đến xếp loại, mức độ hài lòng, yếu tố ảnh hưởng và đề xuất cải thiện hệ thống đánh giá ĐRL từ quan điểm của sinh viên Trường Dược - Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả thực hiện trên toàn bộ 1.948 sinh viên Trường Dược vào năm 2025. Dữ liệu được thu thập bằng khảo sát trực tuyến sử dụng thang đo Likert và câu hỏi mở. Phân tích bằng phần mềm SPSS với kiểm định Chi-bình phương, phân tích chủ đề với hai nghiên cứu viên độc lập. **Kết quả:** Có 1.948 sinh viên tham gia, tỉ lệ phản hồi 71,86% (67,71% nữ). Tỉ lệ sinh viên nghiên cứu khoa học hoặc thành viên Ban cán sự/Ban chấp hành Đoàn – Hội hoặc Câu lạc bộ – đội – nhóm đạt ĐRL từ Khá trở lên cao hơn (87,69%, 89,12% và 84,19%,  $p < 0,001$ ). Phần lớn sinh viên có quan điểm tích cực về hệ thống đánh giá ĐRL, các tiêu chí dao động từ 2,82 đến 4,04 (Likert 5). Yếu tố thúc đẩy chính là tính thú vị, bổ ích của các hoạt động; yếu tố cản trở chính là lịch học, thi dày đặc. Trong 392 phản hồi mở, 206 (52,55%) đề xuất hệ thống tự động hoá đánh giá ĐRL, 101 (25,77%) tăng mức ĐRL tương xứng cho các hoạt động. **Kết luận:** Hầu hết sinh viên trường Dược đều hài lòng với hệ thống đánh giá ĐRL hiện tại. Kết quả định hướng nhà trường có thể cân nhắc và cải thiện quy trình đánh giá ĐRL.

**Từ khóa:** Điểm rèn luyện, yếu tố liên quan, mức độ hài lòng, sinh viên trường Dược

### ABSTRACT

## A SURVEY ON THE EVALUATION OF STUDENT CONDUCT SCORES AND INFLUENCING FACTORS AT SCHOOL OF PHARMACY – UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY AT HO CHI MINH CITY

*Ha Thuc Khanh Linh, Dao Nguyen Bao Tram, Nguyen Cong Bao Quynh,  
Lam Bao Han, Du Tran Bao Han, Nguyen Quoc Hoa\**

*School of Pharmacy – University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City*

**Background:** In addition to academic performance, universities utilize the Student Conduct Score (SCS) to comprehensively evaluate students across various dimensions. However, studies examining the assessment of SCS remain limited. **Objective:** To investigate factors associated with SCS classification, student satisfaction, influencing elements, and recommendations for improving the SCS evaluation system from the perspective of students at the School of Pharmacy, University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City. **Materials and methods:** A descriptive cross-sectional study was conducted on 1948 pharmacy students in 2025. Data were collected through an online survey using Likert scales and open-ended questions. Data analysis was performed using SPSS software with Chi-

square tests and thematic analysis by two independent researchers. **Results:** A total of 1,948 students participated, yielding a response rate of 71.86% (67.71% female). The proportion of students engaged in scientific research or serving as class officers/Youth Union – Student Association leaders or members of clubs/teams achieved a SCS rating of “Good” or higher at higher rates (87.69%, 89.12%, and 84.19%, respectively;  $p < 0.001$ ). Most students held a positive view of the SCS evaluation system, with criteria scores ranging from 2.82 to 4.04 (on a 5-point Likert scale). The main motivator was the engaging and beneficial nature of extracurricular activities, while the primary barrier was a dense academic and examination schedule. Among 392 open-ended responses, 206 (52.55%) suggested automating the SCS evaluation system, and 101 (25.77%) recommended increasing SCS scores proportionally for specific activities. **Conclusion:** Most pharmacy students expressed satisfaction with the current SCS evaluation system. These findings provide insights for the university to consider in refining and enhancing the SCS assessment process.

**Keywords:** Conduct score, associated factors, satisfaction level, pharmacy students.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Điểm rèn luyện (ĐRL) là công cụ được xây dựng để đánh giá các khía cạnh về đạo đức, tác phong, mức độ tuân thủ nội quy của nhà trường và pháp luật, thái độ học tập, tính chuyên cần, cũng như kết quả tham gia các phong trào và hoạt động ngoại khóa trong suốt quá trình học tập [1]. Kết quả đánh giá ĐRL từng học kỳ, năm học của người học được lưu trong hồ sơ quản lý người học của trường, sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng - kỷ luật, thôi học, ngừng học và các ưu tiên khác tùy theo quy định của cơ sở giáo dục đại học. Người học có kết quả rèn luyện xuất sắc được cơ sở giáo dục đại học xem xét biểu dương, khen thưởng. Còn đối với người học bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại tương tự lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học [2].

Mặc dù ĐRL ngày càng giữ vai trò quan trọng trong việc đánh giá toàn diện sinh viên, song, cho đến nay, vẫn chưa có nghiên cứu chuyên biệt nào được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng và các yếu tố liên quan đến hệ thống này tại trường Dược, đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh (ĐH Y Dược TP.HCM). Đề tài được thực hiện nhằm cung cấp dữ liệu và cơ sở khoa học phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo và quản lý sinh viên. Nghiên cứu được thực hiện với 03 mục tiêu: (1) Khảo sát các đặc điểm sinh viên liên quan đến xếp loại ĐRL, (2) Khảo sát mức độ hài lòng và các yếu tố thúc đẩy, rào cản đối với công tác đánh giá rèn luyện, (3) Khảo sát các đề xuất cải thiện hệ thống đánh giá rèn luyện hiện tại từ quan điểm của sinh viên trường Dược - ĐH Y Dược TP.HCM.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên đại học hệ chính quy tại trường Dược - ĐH Y Dược TP.HCM trong năm học 2024-2025.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Tất cả sinh viên dược chính quy từ năm 1 đến năm 5 và hóa dược chính quy năm 1 (khóa đầu tiên) đang học tại trường Dược - ĐH Y Dược TP.HCM trong năm học 2024-2025.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu; sinh viên cung cấp thông tin không đầy đủ theo bảng khảo sát.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

- **Địa điểm và thời gian nghiên cứu:** Tháng 06/2025 – tháng 07/2025

- **Cỡ mẫu:** Tất cả sinh viên đại học hệ chính quy tại trường Dược - ĐH Y Dược TP.HCM trong năm học 2024-2025.

- **Nội dung nghiên cứu:**

+ Nội dung 1: Đặc điểm sinh viên liên quan tới xếp loại ĐRL: giới tính, khối lớp, ĐRL học kỳ gần nhất, tham gia thực hiện hoặc hỗ trợ NCKH, thành viên của Ban cán sự/ BCH Đoàn - Hội, thành viên của CLB/đội nhóm/trung tâm, sinh viên đang sống cùng, làm thêm công việc ngoài giờ.

Căn cứ Quyết định số 5158/QĐ-ĐHYD về việc ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của ĐH Y Dược TP.HCM [2], nhóm nghiên cứu lựa chọn ngưỡng 65 điểm rèn luyện để phân nhóm dữ liệu thành hai nhóm ( $\geq$  Khá và  $\leq$  Trung bình), qua đó phản ánh sự khác biệt về mức độ đáp ứng điều kiện tiếp cận các chính sách khuyến khích dành cho sinh viên.

+ Nội dung 2: Đề khảo sát mức độ hài lòng và các yếu tố thúc đẩy, rào cản đối với công tác đánh giá rèn luyện, bộ câu hỏi nghiên cứu được xây dựng căn cứ trên Quyết định số 5158/QĐ-ĐHYD và phỏng vấn ý kiến của các chuyên gia, gồm: Trường phòng Công tác sinh viên – ĐH Y Dược TP.HCM, Phó bí thư Đoàn TNCS HCM trường Dược, Chủ tịch Hội Sinh viên Việt Nam ĐH Y Dược TP.HCM, đồng thời thí điểm trên 10 sinh viên Đại học Y Dược TP.HCM để đánh giá về mức độ rõ ràng của bộ câu hỏi. Bộ câu hỏi hoàn chỉnh dùng thang đo Likert 5 mức độ cho các câu hỏi về đặc điểm cá nhân, mức độ hài lòng về việc đánh giá ĐRL (13 tiêu chí gồm: sự cần thiết, hài lòng hệ thống, tính minh bạch của quy trình, tính rõ ràng các tiêu chí, tính phản ánh năng lực, tính tương xứng, động lực tham gia hoạt động, kiến thức học thuật, kỹ năng cá nhân, mối quan hệ xã hội, tinh thần cộng đồng, giá trị xét duyệt khen thưởng, chuẩn bị nghề nghiệp) và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tích lũy ĐRL (5 yếu tố thúc đẩy và 5 yếu tố cản trở, lần lượt gồm: bản chất của chương trình, hỗ trợ từ giảng viên/ cố vấn học tập, hỗ trợ từ Đoàn-Hội, tính hấp dẫn của hoạt động, tính minh bạch trong đánh giá, áp lực học tập, rào cản thời gian và chi phí, rào cản tâm lý, rào cản việc làm thêm, rào cản gia đình).

+ Nội dung 3: Các yếu tố thúc đẩy, cản trở khác và đề xuất cải thiện hệ thống đánh giá rèn luyện từ quan điểm của sinh viên Trường Dược được thu thập bằng câu hỏi mở.

- **Xử lý số liệu:**

+ Nội dung 1,2: Dữ liệu được thu thập thông qua phiếu khảo sát trực tuyến, sau đó phân tích bằng phần mềm Microsoft Excel và SPSS phiên bản 26. Các biến định tính được trình bày dưới dạng tần số và tỉ lệ phần trăm. Mối liên quan giữa các yếu tố đặc điểm của sinh viên với kết quả phân loại điểm rèn luyện được đánh giá bằng phép kiểm Chi-bình phương (Chi-square test). Giá trị  $p < 0,05$  được xem là có ý nghĩa thống kê.

+ Nội dung 3, nghiên cứu áp dụng phương pháp phân tích chủ đề. Dữ liệu thu thập được phân loại theo các đặc điểm, tiêu chí chung và mã hoá sơ bộ các phần dữ liệu quan trọng. Trên cơ sở các mã ban đầu, tiến hành xác định và đặt tên cho các chủ đề chính. Cuối cùng, xác định số lần lặp lại và đưa ra kết luận cho dữ liệu nghiên cứu. Để tăng độ tin cậy và giảm thiên kiến cá nhân, việc phân tích dữ liệu được thực hiện bởi hai nghiên cứu viên độc lập sau đó thảo luận và thống nhất các ý kiến đóng góp chính được đề xuất.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu đã được Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt, số 2571/ĐHYD-HĐĐĐ, ngày 19/06/2025.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Tỉ lệ phản hồi của cuộc khảo sát trực tuyến là 71,86% (1948 phản hồi/ 2711 sinh viên), trong đó: Dược năm nhất (D1) 22,22%, Hóa dược năm nhất (HD1) 2,46%, Dược năm thứ hai (D2) 21,82%, Dược năm thứ ba (D3) 22,02%, Dược năm thứ tư (D4) 15,66%, Dược năm cuối (D5) 15,81%. Kết quả xếp loại ĐRL học kì gần nhất của mẫu nghiên cứu được minh họa trong Bảng 1.

Bảng 1. Kết quả xếp loại ĐRL học kỳ gần nhất (N=1948)

Kết quả ĐRL học kì gần nhất	Xuất sắc (90-100)	Tốt (80-90)	Khá (65-79)	Trung bình (50-64)	Yếu (35-49)	Kém (<35)
Tần số (%)	161 (8,26%)	394 (20,23%)	777 (39,89%)	565 (28,49%)	22 (1,13%)	1 (0,05%)

Nhận xét: Tỉ lệ sinh viên đạt ĐRL loại Khá là cao nhất (39,89%), số lượng sinh viên đạt ĐRL mức Trung bình chiếm tỉ lệ cao thứ hai trong bảng xếp loại (28,49%).

Một số yếu tố liên quan đến xếp loại điểm rèn luyện của sinh viên tại trường Dược năm học 2024-2025 được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2. Bảng so sánh hai tỷ số các yếu tố liên quan đến xếp loại ĐRL (N=1948)

Biến		Phân loại xếp loại ĐRL		Giá trị p*
		≥ Khá	≤ Trung bình	
Giới tính	Nam	398 (63,27%)	231 (36,72%)	<0,001
	Nữ	969 (73,52%)	349 (26,48%)	
Tham gia thực hiện hoặc hỗ trợ NCKH	Có	456 (87,69%)	64 (12,31%)	<0,001
	Không	911 (63,84%)	516 (36,16%)	
Thành viên của Ban cán sự/ BCH Đoàn – Hội	Có	303 (89,12%)	37 (10,88%)	<0,001
	Không	1064 (66,21%)	543 (33,79%)	
Thành viên của CLB/đội nhóm/trung tâm	Có	506 (84,19%)	95 (15,81%)	<0,001
	Không	861 (63,97%)	485 (36,03%)	
Sinh viên đang sống cùng	Gia đình	861 (71,45%)	344 (28,55%)	0,310
	Bạn bè	300 (68,34%)	139 (31,66%)	
	Một mình	206 (67,99%)	97 (32,01%)	
Làm thêm công việc ngoài giờ	Có	238 (66,30%)	121 (33,70%)	0,072
	Không	1129 (71,10%)	459 (28,90%)	

\* p được tính bằng phép kiểm Chi-bình phương (Chi-square test)

Nhận xét: Xếp loại ĐRL khác biệt có ý nghĩa thống kê theo giới tính, tham gia NCKH, Đoàn – Hội và CLB/đội nhóm ( $p < 0,001$ ); sinh viên tích cực hoạt động học thuật – xã hội đạt ĐRL khá trở lên cao hơn, trong khi nơi ở và làm thêm không khác biệt đáng kể.

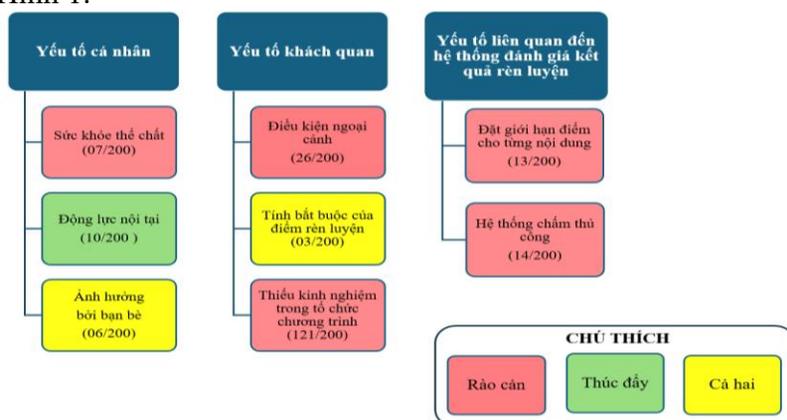
#### 3.2. Mức độ hài lòng của sinh viên và các yếu tố thúc đẩy/cản trở

Bảng 3. Mức độ hài lòng của sinh viên về hệ thống đánh giá rèn luyện

Nội dung		TB ± ĐLC
Quan điểm, nhận thức của	1. Anh/Chị cảm thấy việc xét ĐRL là cần thiết.	3,58 ± 0,886
	2. Anh/Chị cảm thấy hài lòng với tổng thể hệ thống ĐRL.	3,25 ± 0,922
	3. Anh/Chị cảm thấy quy trình đánh giá ĐRL là minh bạch.	3,62 ± 0,820
	4. Anh/Chị cảm thấy các tiêu chí chấm ĐRL rõ ràng, dễ hiểu.	3,55 ± 0,839

	Nội dung	TB ± ĐLC
sinh viên về hệ thống đánh giá rèn luyện	5. Anh/Chị cảm thấy hệ thống ĐRL thực sự phản ánh đúng năng lực và sự tham gia của Anh/Chị trong các hoạt động.	3,45 ± 0,890
	6. Anh/Chị cảm thấy mức ĐRL là tương xứng với các hoạt động.	3,29 ± 0,940
	7. ĐRL giúp Anh/Chị có động lực tham gia các hoạt động ngoại khóa và phát triển bản thân.	3,55 ± 0,916
	8. Anh/Chị có thêm kiến thức từ hoạt động ngoại khóa học thuật.	3,70 ± 0,797
	9. Anh/Chị có thêm kỹ năng từ các hoạt động ngoại khóa kỹ năng.	3,70 ± 0,777
	10. Anh/Chị có thêm nhiều bạn bè và mở rộng mối quan hệ.	3,70 ± 0,820
	11. Anh/Chị muốn giúp đỡ cộng đồng từ hoạt động tình nguyện.	3,85 ± 0,752
	12. Anh/Chị cảm thấy ĐRL là một trong những điều kiện xét học bổng và các danh hiệu tuyên dương.	3,76 ± 0,831
Yếu tố thúc đẩy tham gia tích lũy ĐRL	13. Anh/Chị cảm thấy việc tích lũy ĐRL giúp chuẩn bị tốt hơn các kỹ năng cho công việc sau khi ra trường.	3,55 ± 0,876
	14. Chất lượng, sự đa dạng của chương trình mà Đại học Y dược TPHCM/Trường Dược tổ chức thúc đẩy Anh/Chị tích lũy ĐRL.	3,61 ± 0,802
	15. Anh/Chị có được sự hỗ trợ tích cực, đầy đủ từ giảng viên, cố vấn học tập trong việc tham gia các hoạt động rèn luyện.	3,53 ± 0,829
	16. Anh/Chị có sự hỗ trợ tích cực từ cán bộ Đoàn - Hội sinh viên, CLB hay phòng công tác sinh viên trong việc tích lũy ĐRL.	3,56 ± 0,805
	17. Hoạt động thú vị, bổ ích thúc đẩy Anh/Chị tích lũy ĐRL.	3,63 ± 0,807
Yếu tố cản trở tham gia tích lũy ĐRL	18. Sự minh bạch trong quá trình đánh giá ĐRL thúc đẩy Anh/Chị quyết định tham gia các hoạt động tích lũy ĐRL.	3,58 ± 0,811
	19. Lịch học/thi cử dày đặc gây cản trở việc tích lũy ĐRL.	4,04 ± 0,795
	20. Thời gian, kinh phí cần cho việc di chuyển đến địa điểm tổ chức chương trình gây cản trở Anh/Chị tích lũy ĐRL.	3,77 ± 0,830
	21. Vấn đề tâm lý cá nhân cản trở Anh/Chị tích lũy ĐRL.	3,20 ± 0,971
	22. Việc đi làm thêm cản trở Anh/Chị tích lũy ĐRL	2,88 ± 0,925
	23. Yếu tố gia đình gây cản trở Anh/Chị tích lũy ĐRL.	2,82 ± 1,058

Nhận xét: Kết quả khảo sát cho thấy đa số sinh viên nhìn nhận ĐRL như một phần quan trọng trong quá trình học tập và rèn luyện tại Trường Dược, với mức đồng thuận trung bình dao động từ 2,82 đến 4,04 trên thang đo Likert 5 mức độ. Ngoài ra, tác giả tiến hành thu thập thêm ý kiến sinh viên qua câu hỏi mở. Sau khi mã hoá 200 câu trả lời hợp lệ và loại bỏ phản hồi không liên quan, nhóm nghiên cứu đã xác định được 3 nhóm yếu tố, phân thành 9 chủ đề như Hình 1.

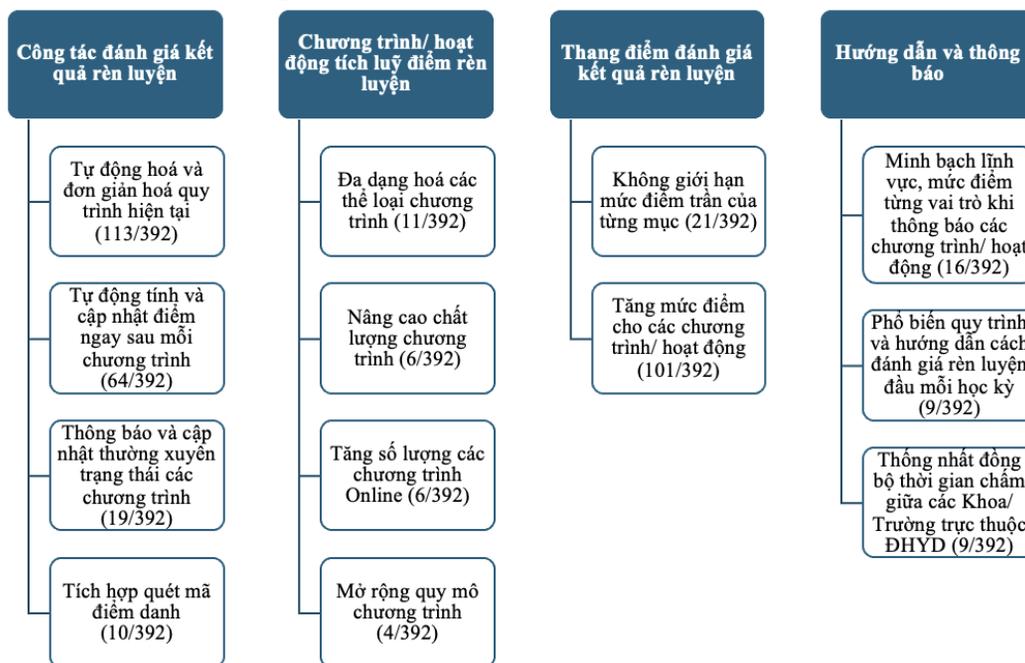


Hình 1. Các yếu tố thúc đẩy và cản trở thu thập được từ dữ liệu định tính

Nhận xét: Yếu tố thúc đẩy chiếm tỉ lệ cao nhất là Động lực nội tại của sinh viên (10/200). Ngược lại, yếu tố cản trở chiếm tỉ lệ cao nhất là Thiếu kinh nghiệm trong tổ chức chương trình (121/200).

### 3.3. Ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện hệ thống đánh giá kết quả rèn luyện trường Đại học Dược hiện nay

Tổng cộng 392 sinh viên tham gia đóng góp ý kiến, trong đó 64,54% là nữ. Kết quả mã hoá dữ liệu khảo sát thu được 13 đóng góp trên nhiều khía cạnh khác nhau được phân thành 4 nhóm đề xuất chính bao gồm (tần suất/ cỡ mẫu):



Hình 2. Ý kiến đóng góp thu thập được từ dữ liệu định tính

Nhận xét: Đề xuất Hệ thống tự động hóa đánh giá ĐRL chiếm tỉ lệ cao nhất (206/392). Đứng thứ hai là đề xuất về Tăng mức điểm cho các hoạt động (101/392).

## IV. BÀN LUẬN

### 4.1. Yếu tố liên quan đến xếp loại ĐRL tại trường Dược năm học 2024-2025

Kết quả thu được từ việc kiểm tra mối liên quan giữa các đặc điểm cá nhân, hoạt động của sinh viên và xếp hạng rèn luyện cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trên một số biến số theo Bảng 2. Nổi bật, sinh viên nữ đạt loại Khá trở lên (73,52%) cao hơn so với sinh viên nam (63,27%), phù hợp với hai nghiên cứu nước ngoài về tính tận tâm học tập ở nữ [3], [4]. Theo Deng và cộng sự (2020), sinh viên tham gia Ban cán sự, Đoàn - Hội thường gặp khó khăn trong việc cân bằng thời gian và trách nhiệm [5]. Tuy nhiên, khảo sát cho thấy nhóm này vẫn đạt mức rèn luyện Khá trở lên cao (89,12%) so với nhóm không tham gia (66,21%). Tương tự, sinh viên là thành viên CLB - Đội - Nhóm cũng có tỉ lệ cao (84,19%). Sự khác biệt so với nghiên cứu trước được lý giải vì tại Trường Dược, các vai trò này được công nhận ĐRL. Từ đó, giúp sinh viên vừa nâng cao kỹ năng lãnh đạo, tổ chức sự kiện, làm việc nhóm vừa cải thiện kết quả rèn luyện rõ rệt. Tóm lại, ĐRL chịu ảnh hưởng bởi giới tính, tham gia NCKH và các hoạt động tập thể như Ban cán sự, Đoàn - Hội, CLB - Đội - Nhóm. Sinh viên càng tham gia tích cực thì khả năng đạt kết quả rèn luyện tốt càng cao.

#### 4.2. Quan điểm, nhận thức của sinh viên và các yếu tố thúc đẩy/cản trở ảnh hưởng đến hệ thống đánh giá rèn luyện

Nghiên cứu cho thấy sinh viên Trường Dược công nhận tính cần thiết (TB=3,58) của ĐRL và lợi ích mà các hoạt động ngoại khoá mang lại (TB=3,70), song mức độ hài lòng tổng thể còn khiêm tốn (TB=3,25), chủ yếu do điểm số chưa tương xứng với mức độ tham gia (TB=3,29), chưa phản ánh đúng năng lực cá nhân (TB=3,45). Kết quả này phù hợp với nhận định của Orih (2024), hiệu quả cảm nhận phụ thuộc lớn vào cách tổ chức, triển khai chương trình và việc công nhận kết quả [6].

Về mặt yếu tố thúc đẩy, sinh viên tán thành cao với tính thú vị, bổ ích của các hoạt động (TB=3,63) và sự đa dạng chương trình (TB=3,61). Kết quả này nhất quán với tổng quan của Orih (2024), về vai trò của thiết kế hoạt động hấp dẫn, thực tiễn [6]. Ngược lại, lịch học và lịch thi cử dày đặc (TB=4,04) được xem là trở ngại nổi bật, phản ánh chính xác mô hình *study demands–resources* của Wang X. (2025), rằng cường độ học tập cao làm giảm khả năng tham gia hoạt động ngoại khóa [7]. Phân tích 200 phản hồi mở cho thấy rào cản còn đến từ thiếu kinh nghiệm tổ chức, thời điểm tổ chức chưa phù hợp, liên hệ chặt chẽ giữa “thời gian hạn chế” và “thời điểm tổ chức” như trong nghiên cứu của Lê Văn Hà (2024), khi sinh viên đặc biệt xem “limited time availability” là rào cản nổi bật, phản ánh áp lực kép mà sinh viên phải đối diện [8]. Do đó, để tăng hiệu quả tích lũy ĐRL, ngoài việc gắn kết lợi ích thiết thực, nhà trường và Ban tổ chức/CLB tổ chức chương trình cần có sự phối hợp để bố trí thời điểm tổ chức phù hợp, vừa giảm rào cản vừa khuyến khích sự tham gia bền vững.

#### 4.3. Đề xuất cải thiện hệ thống đánh giá rèn luyện trường Dược hiện nay

Nghiên cứu cho thấy phần lớn sinh viên trường Dược cho rằng việc tự đánh giá rèn luyện qua Microsoft Form gây khó khăn và mất nhiều thời gian cho cả người điền và người kiểm tra. Do đó, ý tưởng về Hệ thống tự động hoá công tác đánh giá kết quả rèn luyện được đề xuất nhiều nhất (52,55%). Kết quả này phù hợp với xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay, với nhiều lợi ích đáng kể như tối ưu hóa nguồn lực, tiết kiệm chi phí, cải thiện trải nghiệm của sinh viên và nâng cao chất lượng giáo dục theo Hashim MAM (2022) [9]. Đề xuất có tỉ lệ cao thứ hai là về việc tăng mức điểm công nhận cho các chương trình tương xứng với công sức sinh viên bỏ ra khi tham gia (25,77%). Họ cảm thấy việc học tại trường đã quá áp lực vì vậy nên giảm sự khắt khe trong đánh giá ĐRL nhằm tạo điều kiện cho sinh viên đạt được mức xếp loại rèn luyện mong muốn. Đề xuất này phù hợp với nghiên cứu của Yuanru Wang, việc đánh giá và công nhận nỗ lực một cách hợp lý có thể nâng cao sự phát triển và mức độ hài lòng của sinh viên trong giáo dục [10].

Ngoài ra, kết thúc đợt khảo sát tác giả cũng ghi nhận số ít sinh viên (1,53%) có cái nhìn khá tiêu cực về ĐRL, cụ thể họ cảm thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện là không cần thiết và mang tính hình thức. Điều này đặt ra vấn đề rằng nhà trường cần xem xét lại hệ thống đánh giá kết quả rèn luyện nói chung và thang điểm đánh giá cũng như chất lượng các hoạt động nói riêng nhằm nâng cao mức độ hài lòng và nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của ĐRL trong giáo dục bậc đại học.

## V. KẾT LUẬN

Hầu hết sinh viên Trường Dược đều có quan điểm hài lòng với hệ thống đánh giá rèn luyện hiện tại. Thông qua các yếu tố cản trở và góp ý của sinh viên, nhà trường có thể cân nhắc và cải thiện quy trình đánh giá ĐRL cho sinh viên.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 8 năm 2015 ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy. 2015.
  2. Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định 5158/QĐ-ĐHYD về việc ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy. 2019.
  3. Clemente-Suárez VJ, Beltrán-Velasco AI, Mendoza-Castejón D, Rodríguez-Besteiro S, López-Varas F, et al. Comparative Analysis of Academic, Behavioral, and Psychophysiological Variables in Male and Female Vocational Training Students. *Children (Basel)*. 2024. 11(7), 851, doi: <https://doi.org/10.3390/children11070851>
  4. Verbree A-R, Hornstra L, Maas L, Wijngaards-de Meij L. Conscientiousness as a Predictor of the Gender Gap in Academic Achievement. *Research in Higher Education*. 2023. 64(3), 451-72, doi: <https://doi.org/10.1007/s11162-022-09716-5>.
  5. Deng W, Li X, Wu H, Xu G. Student leadership and academic performance☆. *China Economic Review*. 2020. 60, 101389, doi: <https://doi.org/10.1016/j.chieco.2019.101389>.
  6. Orih D, Heyeres M, Morgan R, Udah H, Tsey K. A systematic review of soft skills interventions within curricula from school to university level. *Frontiers in Education*. 2024. 9, 1383297, doi: <https://doi.org/10.3389/feduc.2024.1383297>.
  7. Wang X, Deng X, Wan Jaafar WM, Sulong RM, Zainudin ZN, et al. Fostering academic engagement through soft skills and positive emotions: a sustainable development perspective on university education. *Frontiers in Psychology*. 2025. 16, 1622327, doi: <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2025.1622327>.
  8. Lê Văn Hà. Factors impeding university students' participation in English extracurricular activities: Time constraints and personal obstacles. *Heliyon*. 2024;10(5):27332. doi: <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2024.e27332>.
  9. Hashim MAM, Tlemsani I, Matthews R. Higher education strategy in digital transformation. *Educ Inf Technol (Dordr)*. 2022. 27(3), 3171-95, doi: <https://doi.org/10.1007/s10639-021-10739-1>.
  10. Wang Y, Gao Y, Zhang X, Shen J, Wang Q, et al. The Relationship between Effort-Reward Imbalance for Learning and Academic Burnout in Junior High School: A Moderated Mediation Model. *Behavioral Sciences*. 2023. 13(1), 28, doi: <https://doi.org/10.3390/bs13010028>.
-